

Số: 166 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 06/VBTT ngày 09 tháng
09 năm 2024; các Văn bản số: 34/CVTT/2024 ngày 05 tháng 12 năm 2024,
34/CVTT/2024 ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế
và Xây dựng Thành Thắng về việc chỉnh sửa nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy
phép môi trường của dự án đầu tư "Khu nhà ở xã hội quy mô 1.190 căn hộ,
tương đương 4.200 người" (giai đoạn lưu lượng nước thải 450 m³/ngày đêm) tại
phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
747/TTr-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng
Thành Thắng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Khu
nhà ở xã hội quy mô 1.190 căn hộ, tương đương 4.200 người" (giai đoạn lưu
lượng nước thải 450 m³/ngày đêm) tại phường Bảo Vinh, thành phố Long
Khánh, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án/hạng mục đầu tư: "Khu nhà ở xã hội quy mô 1.190 căn hộ,
tương đương 4.200 người" (giai đoạn lưu lượng nước thải 450 m³/ngày đêm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh
Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp số 3600954853 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06 tháng 09 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3600954853.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Các hạng mục đầu tư được cấp phép:

+ Công trình nhà ở liên kế xã hội và nhà ở liên kế thương mại: 726 căn nhà ở liên kế bao gồm: 592 căn nhà ở liên kế xã hội (401 căn đã hoàn thiện và 191 căn cơ bản hoàn thiện), 134 căn nhà ở liên kế thương mại (60 căn hoàn thiện và 74 căn cơ bản hoàn thiện).

+ Các công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật: giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật (vía hè, hệ thống cấp nước, thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải, cây xanh, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc và phòng cháy chữa cháy) của toàn bộ dự án bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật của các khu đất các công trình hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, công cộng dịch vụ).

+ Công trình xử lý nước thải số 01 công suất 450 m³/ngày đêm.

+ Khu công viên cây xanh: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và trồng cây xanh tại khu công viên theo quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt.

(Các công trình trên đã được Sở Xây dựng thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu tại Thông báo số 43/TB-SXD ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Thông báo số 70/TB-SXD ngày 07 tháng 3 năm 2024).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Thành Thắng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Thành Thắng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 23 tháng 12 năm 2024 đến ngày 23 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và XD Thành Thắng;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 466/GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân sinh sống tại công trình nhà ở (726 căn nhà ở liên kế bao gồm: 592 căn nhà ở liên kế xã hội và 134 căn nhà ở liên kế thương mại).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Thoát ra cống thoát nước khu vực (thuộc phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai), sau đó thoát ra nguồn tiếp nhận suối Tre (cách dự án 290m), chảy về sông La Ngà.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 điểm tại hố ga tiếp ranh phía Đông dự án đầu nối với cống thoát nước khu vực (sau đó dẫn ra suối Tre).

- Tọa độ vị trí xả thải: X = 1212576.85; Y = 0444083.17 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả nước thải.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 450 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1,0 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	BOD ₅	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	01	

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	05	
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	30	
8	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	06	
9	Coliform	MPN/100ml	3.000	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	05	
11	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải từ nhà vệ sinh của các hạng mục công trình nhà ở liên kế thương mại và liên kế xã hội tại dự án được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi căn hộ để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của dự án. Nước thải từ nhà tắm, bồn rửa, nhà bếp của các công trình tại dự án được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC có $D = 60\text{mm}$ đến $D = 200\text{ mm}$, sau đó nước thải sẽ được đưa đến hố ga đầu nối và từ hố ga đầu nối thoát ra cống thu gom chung dự án bằng ống nhựa PVC có đường kính $D = 168\text{ mm}$.

- Toàn bộ nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải số 01 công suất thiết kế $450\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm bằng đường cống BTCT đường kính $D300\text{mm}$ để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1,0.

- Nước thải sau xử lý theo ống nhựa PVC ($D = 220\text{ mm}$, dài 10 m) thoát ra cống thoát nước khu vực tại 01 hố ga tiếp ranh phía Đông dự án và có tọa độ ($X = 1212576.85$; $Y = 0444083.17$), sau đó dẫn ra suối Tre.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (mô đun xử lý nước thải số 01 công suất $450\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm).

Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: Nước thải từ nhà vệ sinh qua bể tự hoại và nước thải từ các nhà tắm, bồn rửa, các khu bếp công trình nhà ở → tuyến cống thu gom nước thải dọc các tuyến đường nội bộ → Bể tách mỡ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Cống thoát nước khu vực → Suối Tre → Sông La Ngà.

- Công suất thiết kế: $450\text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Chlorin khoảng 100 lít/tháng , H_2SO_4 khoảng 50 lít/tháng , NaOH khoảng 50 lít/tháng .

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, bố trí đầy đủ thiết bị thay thế, thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận hành; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Mô đun xử lý nước thải số 01 công suất 450 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý (mô đun xử lý nước thải số 01 công suất 450 m³/ngày đêm) và nước thải sau xử lý tại điểm đầu nối với cống thoát nước khu vực có tọa độ X = 1212576.85; Y = 0444083.17 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình nước thải phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử

lý nước thải, đảm bảo các bể chức năng trong quy trình xử lý đủ khả năng lưu chứa, đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý, các bể xử lý nước thải; trường hợp gặp sự cố Chủ dự án báo cáo ngay cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và thực hiện các biện pháp khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

- Chủ dự án đầu tư chịu trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm của dự án khi đã hoàn thành việc thực hiện các nội dung theo yêu cầu tại khoản 2 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của dự án cho cơ quan cấp phép trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát việc thực hiện.

- Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.

- Theo dõi, kiểm soát lưu lượng nước thải phát sinh không vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành ổn định, đúng quy trình kỹ thuật, xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166/GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn thải số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (mô đun xử lý nước thải số 01 công suất 450 m³/ngày đêm).

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng số 01: Tại ống thoát khí sau tháp khử mùi (của mô đun xử lý nước thải số 1). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=1212456.06; Y=0444015.87 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107°45', vĩ chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.100 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải.

2.2.2. Chế độ xả khí thải: Liên tục (24 giờ).

2.2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ - QCVN 20:2009/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT cột B, K_v = 0,8, K_p = 1) như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	NH ₃	mg/Nm ³	40	
3	H ₂ S	mg/Nm ³	06	
4	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (mô đun xử lý nước thải số 01 công suất 450 m³/ngày đêm) được thu gom bằng đường ống (nhựa uPVC, D = 168mm) dẫn về tháp khử mùi để xử lý trước khi xả ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) → Quạt hút → Tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch NaOH hoặc Chlorin) → Ống thoát khí (nhựa uPVC, D=168mm) → môi trường

- Công suất thiết kế: 2.100 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch NaOH khoảng 100 lít/tháng hoặc Chlorin khoảng 200 lít/tháng. Dung dịch hấp thụ (Chlorin hoặc NaOH) sẽ được tuần hoàn liên tục và định kỳ thay mới từ 01 đến 03 tháng/01 lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý khí thải. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành các hệ thống xử lý khí thải, giám sát vận hành hàng ngày, tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho các hệ thống thu gom khí thải. Trường hợp khí thải vượt quy chuẩn đầu ra cho phép hoặc phát hiện mùi khó chịu, tạm dừng hoạt động để kiểm tra, khắc phục sự cố, để đảm bảo toàn bộ khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi phát tán ra môi trường.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Các cán bộ vận hành được đào tạo kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành hệ thống, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu trữ ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Tháp khử mùi bằng dung dịch NaOH hoặc Chlorin, công suất 2.100 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí sau tháp khử mùi (của mô đun xử lý nước thải số 1) bằng dung dịch NaOH hoặc Chlorin; tọa độ X = 1212456.06; Y = 0444015.87 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', vĩ tuyến 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý mùi theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc khí thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành các công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải từ hoạt động của dự án phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường; không để phát tán khí thải (mùi hôi) khó chịu, gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu sử dụng để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý khí thải của dự án.
- Chủ dự án đầu tư chịu trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm của dự án khi đã hoàn thành việc thực hiện các nội dung theo yêu cầu tại khoản 2 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải của dự án cho cơ quan cấp phép trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải để theo dõi, giám sát việc thực hiện. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.
- Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý khí thải tại dự án.
- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.
- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo đúng diện tích quy hoạch nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.
- Thường xuyên kiểm tra theo dõi tăng cường các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.
- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải (mùi) không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166/GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn: Khu vực hoạt động của mô đun xử lý nước thải số 01 công suất 450 m³/ngày đêm.
- Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn: Tọa độ: X = 1212457.54; Y = 0444021.05 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn) như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực dự án. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ hoạt động dự án được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất. Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án; kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166/GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh cụ thể như sau:

TT	Loại CTNH	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	50	16 01 06	NH
2	Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải	50	16 01 05	NH
3	Các loại dầu mỡ thải	50	16 01 08	NH
4	Pin-ắc quy thải	50	16 01 12	NH
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	100	16 01 13	NH
6	Bao bì nhựa cứng (chứa chất có thành phần nguy hại) thải	50	18 01 03	KS-R
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	3.000	18 02 01	KS
Tổng cộng		3.350		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh cụ thể như sau:

TT	Loại chất thải rắn	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bùn từ bể tự hoại	68.200	-	TT
2	Bùn sinh học từ hệ thống xử lý nước thải	160.600	12 06 10	TT
Tổng khối lượng		228.800		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh cụ thể như sau:

TT	Nhóm chất thải sinh hoạt	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế	450.000
2	Nhóm chất thải thực phẩm	450.000
3	Nhóm chất thải công kênh	50.000
4	Nhóm chất thải sinh hoạt khác	100.000
	Tổng cộng	1.050.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy có dung tích từ 120 lít đến 240 lít.

2.1.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

- Bố trí khu lưu chứa chất thải nguy hại tại kho chứa diện tích khoảng 12 m² cạnh nhà bảo vệ của trạm xử lý nước thải.

- Khu lưu chứa có dán nhãn dấu hiệu nhận biết được thiết kế xây dựng tường gạch, nền xi măng, có gờ chống chảy tràn, có hố thu chất lỏng đúng quy định. Trong khu lưu chứa có bố trí các thùng thu gom loại từ 120 lít đến 240 lít dán các dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa, mã chất thải nguy hại phù hợp với thành phần tính chất các loại chất thải. Bố trí 01 nhân lực theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thu gom, phân loại chất thải nguy hại tại các khu vực của dự án.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng có nắp đậy 120 lít đến 660 lít.

2.2.2. Kho/Khu vực lưu chứa:

Điểm tập kết chất thải sinh hoạt được bố trí cùng với khu nhà để máy ép bùn có diện tích 60 m² (30 m² bố trí điểm tập kết chất thải sinh hoạt và 30 m² bố trí máy ép bùn). Khu vực điểm tập kết được thiết kế 01 tầng, khung kèo thép, mái lợp tole; có nhân viên thường xuyên dọn vệ sinh đảm bảo chất thải không vung vãi sau khi chuyển giao và không phát tán mùi hôi gây mất mỹ quan đô thị, điểm tập kết đảm bảo không làm ảnh hưởng đến giao thông, cảnh quan khu vực dự án.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, bố trí đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải, kiểm soát và tăng cường các biện pháp hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu giữ.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định; Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn người dân thực hiện phân loại triệt để toàn bộ chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định.





Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166/GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Công trình chung cư xã hội với diện tích 15.403 m².
2. Công trình hạ tầng xã hội: Bàn giao các khu đất thực hiện các công trình hạ tầng xã hội cho UBND thành phố Long Khánh quản lý, sử dụng theo quy định.
3. Công trình xử lý nước thải: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải mô đun số 02 công suất thiết kế 450m³/ngày đêm và tháp khử mùi số 02.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
4. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của dự án. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án và đầu nổi vào nguồn tiếp nhận; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.
5. Có biện pháp kiểm soát chất lượng khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p = 1,0, K_v = 0,8 và QCVN 20:2009/BTNMT; tuyệt đối không xả khí thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận.

6. Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh.

7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

8. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

9. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

10. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

11. Thực hiện các công trình/biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

12. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

13. Xây dựng quy chế hoạt động của khu dân cư.

14. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.